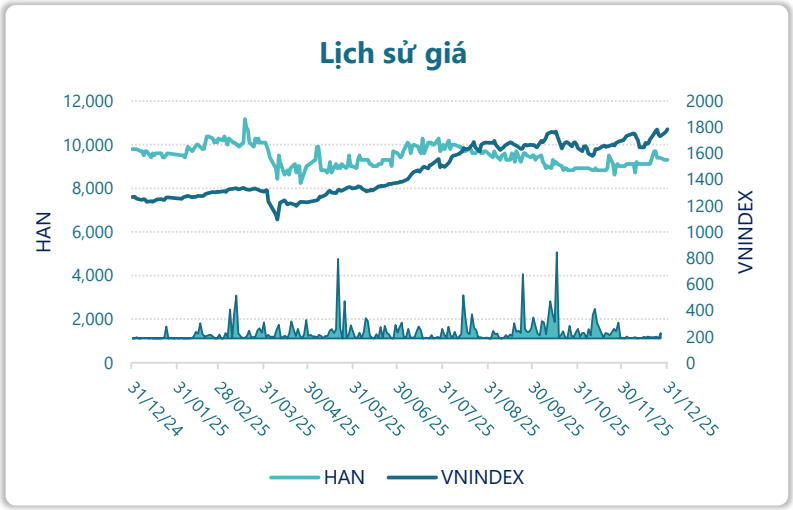
FireAnt

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP (UPCOM: HAN)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,172
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,232
SL cổ phiếu LH	141,048,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	665
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,312
P/E	26.2
EPS	355

DT thuần

Q4/25

904

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 299| 49.5%

YoY: ▼172| -16.0%

LN sau thuế

Q4/25

25.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 20.3| 364%

YoY: ▲ 6.40| 32.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.5%

+/- YoY: ▼ 2.4%

DT thuần

2025

3,266

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 669| 25.7%

LN sau thuế

2025

54.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼11.9| -17.9%

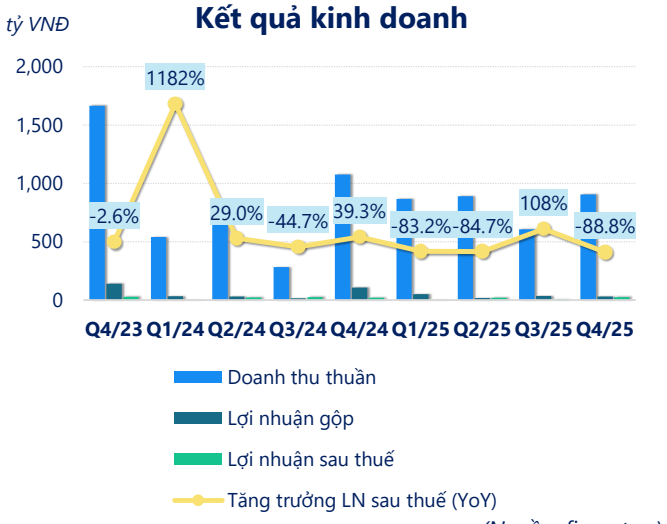
ROE

2025

3.1%

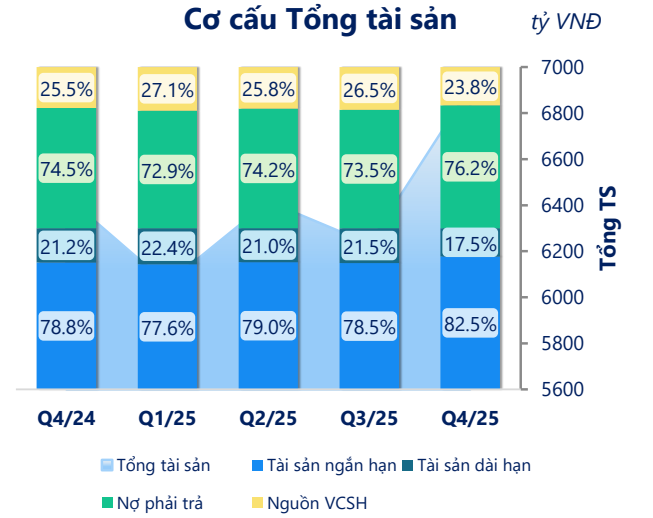
+/- YoY: ▼ 0.2%

Kết quả kinh doanh



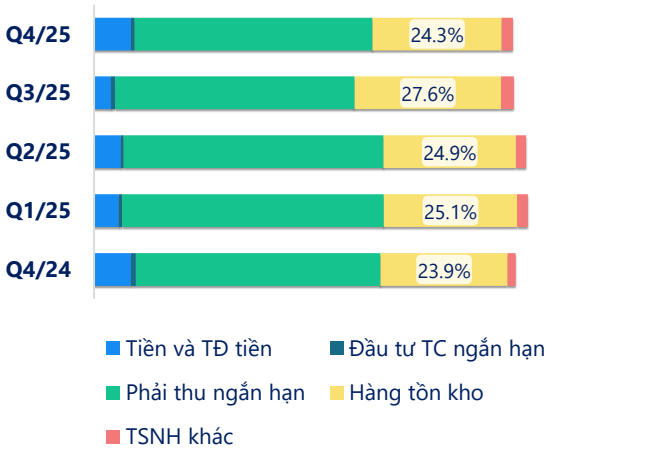
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



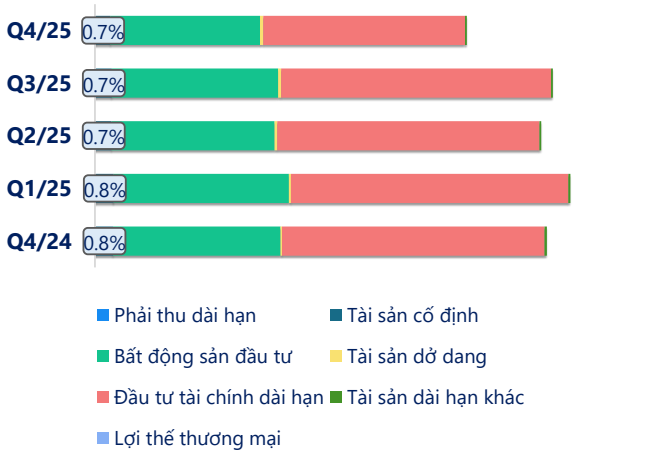
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



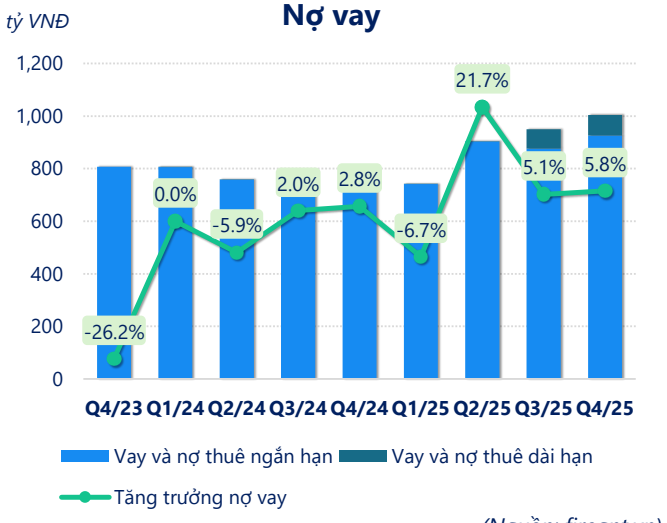
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



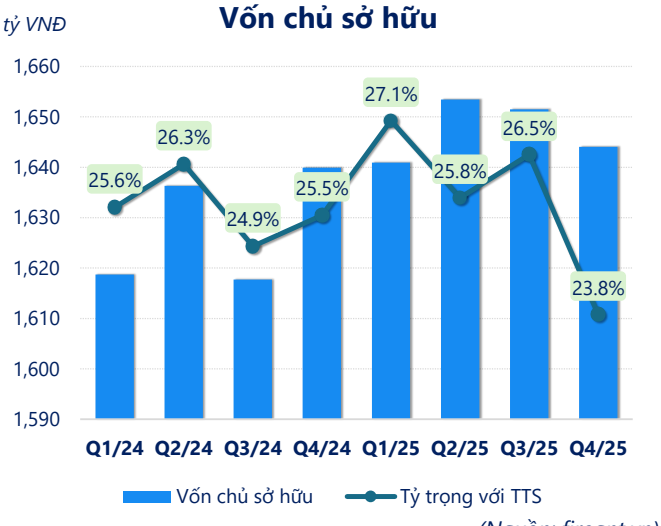
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



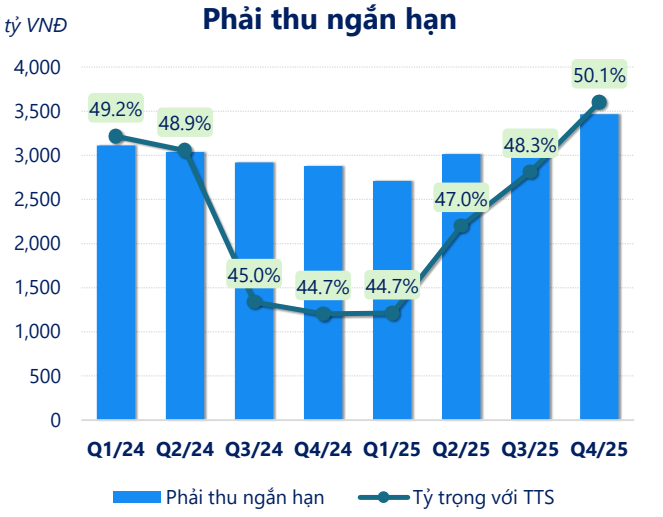
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



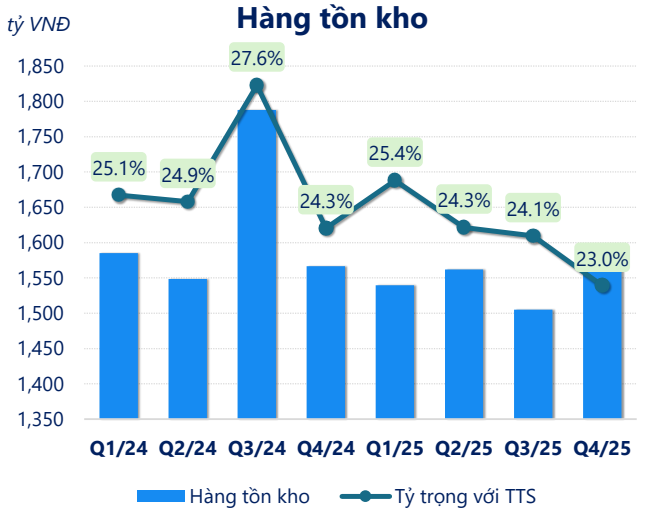
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



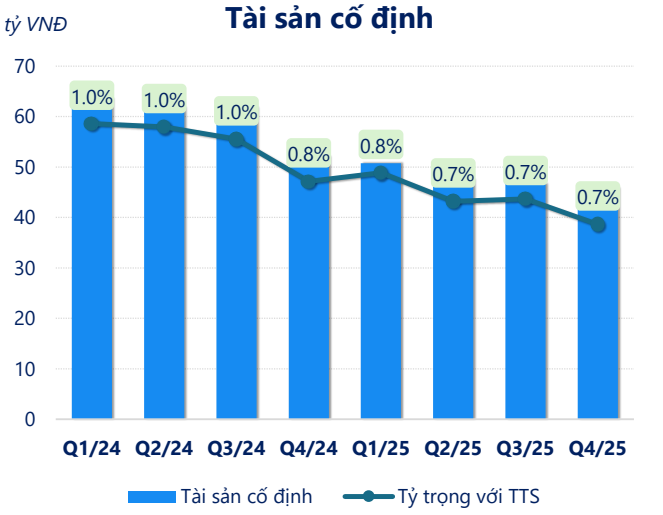
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



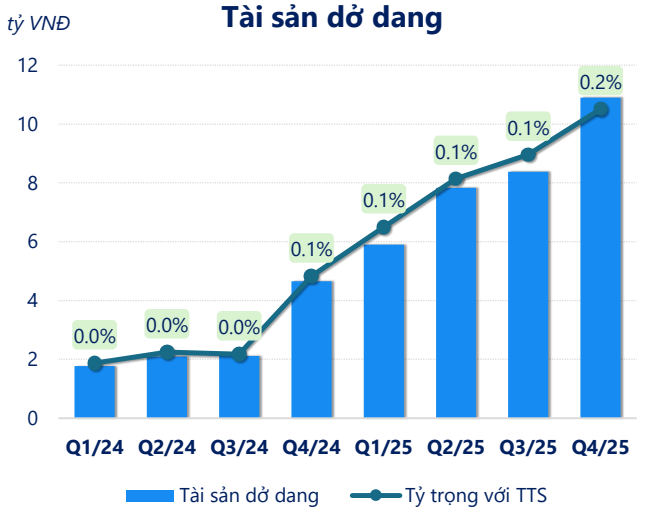
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



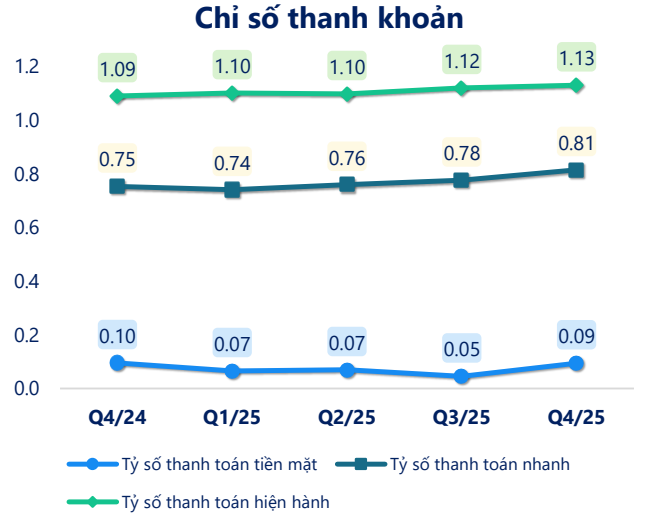
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



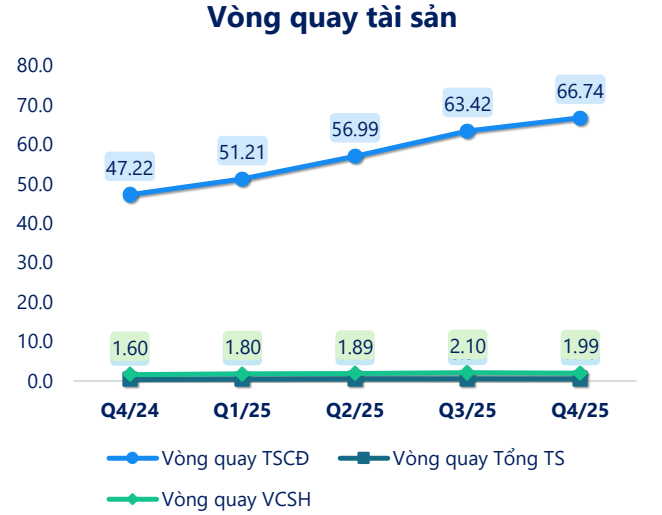
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**6,439**	**6,060**	**6,416**	**6,232**	**6,913**
Tài sản ngắn hạn	**5,071**	**4,705**	**5,070**	**4,890**	**5,705**
Tiền và tương đương tiền	443	280	320	198	477
Đầu tư tài chính ngắn hạn	47.7	24.7	8.65	11.7	6.65
Phải thu ngắn hạn	2,879	2,710	3,013	3,012	3,464
Hàng tồn kho	1,566	1,540	1,562	1,505	1,592
Tài sản ngắn hạn khác	135	150	166	164	166
Tài sản dài hạn	**1,368**	**1,355**	**1,346**	**1,342**	**1,208**
Phải thu dài hạn	2.68	2.75	2.75	2.73	3.67
Tài sản cố định	52.1	50.8	47.5	46.7	45.8
Bất động sản đầu tư	507	499	492	488	487
Tài sản dở dang	4.66	5.90	7.84	8.38	10.9
Đầu tư tài chính dài hạn	795	791	791	791	656
Tài sản dài hạn khác	6.80	6.01	5.87	5.73	5.45
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**4,799**	**4,419**	**4,763**	**4,581**	**5,269**
Nợ ngắn hạn	**4,652**	**4,273**	**4,618**	**4,364**	**5,048**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	795	742	903	876	926
Phải trả người bán ngắn hạn	1,253	1,146	1,279	1,092	1,137
Nợ dài hạn	147	146	145	216	221
Vay và nợ thuê dài hạn	0.78	0.65	0.53	73.3	78.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,640**	**1,641**	**1,653**	**1,651**	**1,644**
Vốn chủ sở hữu	**1,640**	**1,641**	**1,653**	**1,651**	**1,644**
Vốn điều lệ	1,410	1,410	1,410	1,410	1,410
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)